

PHỤ LỤC:

Kế hoạch đầu tư công xã Lê Thủy năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày /12/2025 của HDND xã Lê Thủy)

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----|---|-------------|-----------|------------|---|---------|---|---|---|--------------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|--------------------|------------------------------|---|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | | | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) |
| | | | | | | | | | | Nguyên vốn quỹ đất | Nguyên vốn khác | | Tổng số | Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Ngườn chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | | | |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| * | TỔNG CỘNG: | | | | | 105.069 | 45.853 | 38.872 | 14.793 | 13.293 | 1.500 | 45.926 | 44.426 | 2.826 | 21.600 | 20.000 | 1.500 | | | |
| A | THANH TOÁN CHI PHÍ HẠ TẦNG CÁC DỰ ÁN TẠO QUỸ ĐẤT | | | | | | | | | | | 5.091 | 5.091 | | 5.091 | | | | - | |
| B | DỰ ÁN CHƯA BỐ TRÍ ĐỦ VỐN | | | | | 78.014 | 45.853 | 38.872 | 14.793 | 13.293 | 1.500 | 8.927 | 7.728 | | 7.728 | | 1.199 | | | |
| I | Dự án đã hoàn thành, đã quyết toán (còn thiếu vốn) SL: 53 | | | | | 57.700 | 31.695 | 26.522 | 9.140 | 7.941 | 1.199 | 7.986 | 6.787 | | 6.787 | | 1.199 | | | |
| 1 | Nhà lớp học, phòng chức năng Trường MN Phong Thủy | Phong Thủy | 2018 | 2019 | QĐ 5268, 01/11/2018 của UBND huyện Lê Thủy | 1.900 | 1.630 | 1.630 | 225 | 225 | | 225 | 225 | | 225 | | | 2018-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 2 | Nâng cấp tuyến đường 30 (đoạn nối từ đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến đường Dương Văn An), xã Phong Thủy | Phong Thủy | 2018 | 2019 | QĐ 992, 19/3/2018 của UBND xã Phong Thủy | 1.399 | 1.318 | 1.318 | 37 | 37 | | 37 | 37 | | 37 | | | 2018-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 3 | Nhà lớp học, phòng chức năng Trường MN Phong Thủy (gđ 2) | Phong Thủy | 2019 | 2020 | QĐ 2731, 27/5/2019 của UBND huyện Lê Thủy | 1.547 | 1.100 | 1.100 | 328 | 328 | | 328 | 328 | | 328 | | | 2019-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 4 | Nâng cấp đường phía sau Trường MN Võ Nguyên Giáp xã Phong Thủy | Phong Thủy | 2019 | 2020 | QĐ 3033, 10/6/2019 của UBND huyện Lê Thủy | 448 | 350 | 350 | 93 | 93 | | 93 | 93 | | 93 | | | 2019-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 5 | Đường bê tông liên thôn thôn Thượng Phong (gđ 2) | Phong Thủy | 2019 | 2020 | QĐ 6173, 05/11/2019 của UBND huyện Lê Thủy | 1.083 | 994 | 994 | 70 | 70 | | 70 | 70 | | 70 | | | 2019-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 6 | Xây dựng kè chống xói lở Hói Đại, xã Phong Thủy | Phong Thủy | 2019 | 2020 | QĐ 4241, 6/8/2019 của UBND huyện Lê Thủy | 1.101 | 720 | 720 | 186 | 186 | | 186 | 186 | | 186 | | | 2019-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 7 | Hệ thống kè bảo vệ tuyến đê Đập Bể xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 6/2019 | 8/2022 | 3814-31/10/2018 | 6.000 | 2.320 | 2.320 | 670 | 170 | 500 | 670 | 170 | | 170 | | 500 | 2019-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 8 | Nạo vét hói Xuân lai, xã Xuân Thủy, huyện Lê Thủy | Xuân Thủy | 10/2017 | 2019 | Số 5297/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 | 2.969 | 158 | | 157 | | 157 | 157 | | | | | 157 | 2017-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----|--|-------------|-----------|------------|---|-------|---|---|---|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|---------|---|---|--|--------------------|------------------------------|---|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Nguồn vốn quỹ đất | | Nguồn vốn khác | Tổng số | Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước | | | | | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 9 | Xây dựng kênh mương Hoàng Giang, xã Xuân Thủy (2019) | Xuân Thủy | 7/2019 | 01/2021 | Số 3691/QĐ-UBND ngày 17/07/2020 | 545 | 83 | 32 | 51 | | 51 | 51 | | | | | 51 | 2019-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 10 | Khu vận động ngoài trời Trường TH Xuân Thủy | Xuân Thủy | 10/2020 | 12/2021 | 5439 ngày 12/10/2020 | 701 | 198 | 55 | 143 | 143 | | 143 | 143 | | 143 | | | 2020-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 11 | Đường giao thông nội đồng kết hợp kênh mương HTX Xuân Bò, xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 12/2020 | 01/2020 | 6388 ngày 10/12/2020 | 1.046 | 130 | 13 | 117 | 117 | | 117 | 117 | | 117 | | | 2020-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 12 | Xây dựng cống tiêu + mái che để phương tiện phòng chống lụt bão xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 04/2021 | 5/2021 | Số 44/QĐ-UBND ngày 25/03/2020 | 311 | 43 | 9 | 34 | | 34 | 34 | | | | | 34 | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 13 | Nâng cấp hệ thống tưới tiêu HTX Xuân Lai, xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 2022 | 2023 | Số 1399/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 | 1.046 | 35 | | 35 | 35 | | 35 | 35 | | 35 | | | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 14 | Kênh mương xã Xuân Thủy (năm 2020) | Xuân Thủy | 11/2020 | 9/2022 | 6112 ngày 20/11/2020 | 846 | 35 | | 35 | 35 | | 35 | 35 | | 35 | | | 2020-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 15 | Đường giao thông nội đồng HTX Xuân Lai, xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 4/2021 | 9/2021 | Số QĐ số 1727/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 | 1.170 | 1.170 | 913 | 163 | 163 | | 163 | 163 | | 163 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 16 | Khắc phục, sửa chữa: NC các tuyến kênh chống hạn xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 6/2021 | 02/2022 | QĐ số 2657/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 | 1.158 | 1.158 | 1.000 | 145 | 145 | | 145 | 145 | | 145 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 17 | Đường GTNT xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 4/2021 | 12/2022 | 1464/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 | 3.000 | 3.000 | 2.490 | 525 | 525 | | 525 | 525 | | 525 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 18 | Xây dựng các công trình phụ trợ trường mầm non Xuân Thủy | Xuân Thủy | 3/2021 | 01/2022 | Số 1086/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 | 1.572 | 1.572 | 1.417 | 71 | 71 | | 71 | 71 | | 71 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 19 | Xây dựng trạm bơm điện và HT truyền tải đổ bê tông đường đê 186 vùng 2 tá Kiên Giang | Xuân Thủy | 3/2021 | 01/2022 | Số 2309/QĐ-UBND ngày 28/05/2021 | 1.136 | 1.136 | 1.017 | 119 | 119 | | 119 | 119 | | 119 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 20 | Sửa chữa khuôn viên trường THCS Xuân Thủy | Xuân Thủy | 5/2022 | 11/2022 | 1643/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 | 930 | 930 | 802 | 114 | 114 | | 114 | 114 | | 114 | | | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----|---|-------------|-----------|------------|---|-------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------|---|---------|-------------------------|---|--|--------------------|------------------------------|-------------------|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Nguồn vốn quỹ đất | | | | | Nguồn vốn khác |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 21 | Kè bắc qua hói Xuân Lai đến trạm bơm HTX Xuân Lai, xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 5/2022 | 12/2022 | 1400/QĐ-UBND ngày 14/5/2022 | 1.050 | 1.050 | 350 | 461 | 461 | | 461 | 461 | | 461 | | | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 22 | Phòng làm việc kết hợp phòng trực, nhà trực cho lực lượng Dân quân xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 7/2022 | 6/2023 | QĐ Số 1488/QĐ-UBND ngày 14/07/2022 | 5.500 | 5.500 | 3.840 | 1.554 | 1.154 | 400 | 400 | | | | | 400 | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 23 | Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 06/2022 | 11/2022 | QĐ số 1460/QĐ-UBND ngày 27/06/2022 | 1.191 | 1.191 | 701 | 415 | 415 | | 415 | 415 | | 415 | | | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 24 | Cải tạo nhà văn hóa thôn Mai Hạ, xã Xuân Thủy. | Xuân Thủy | 12/2023 | 12/2023 |/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 | 300 | 300 | 170 | 100 | 100 | | 100 | 100 | | 100 | | | 2023-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 25 | Nạo vét kênh tiêu và thiết bị trạm bơm vùng 2 Tả Kiến Giang | Xuân Thủy | 8/2021 | 12/2021 | Số 134/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 | 258 | 258 | 84 | 173 | 173 | | 173 | 173 | | 173 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 26 | Xây dựng vườn cỏ tích + mái che trường MN xã Xuân Thủy (KV TT) | Xuân Thủy | 7/2021 | 10/2021 | Số 174/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 | 800 | 800 | 682 | 118 | 61 | 57 | 118 | 61 | | 61 | | 57 | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 27 | Nạo vét kênh, xây công kè chống sạt lở Bắc Hói Xuân Lai, xã Xuân Thủy | Xuân Thủy | 2021 | 2022 | 2998/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 | 1.127 | 1.127 | 1.127 | 68 | 68 | | 68 | 68 | | 68 | | | 2021-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 28 | Sửa chữa kênh mương cỏn mò HTX lộc an | An Thủy | 2017 | 2017 | QĐ số 6826, 21/12/2017 UBND huyện | 443 | 23 | 23 | 23 | 23 | | 23 | 23 | | 23 | | | 2017-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 29 | Nhà hiệu bộ trưởng THCS An Thủy | An Thủy | 2018 | 2018 | QĐ số 3177,5/7/2018 UBND huyện | 1.798 | 220 | 220 | 220 | 220 | | 220 | 220 | | 220 | | | 2018-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 30 | Nhà vệ sinh giáo viên Trường Trung học cơ sở An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 2508/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 UBND huyện | 408 | 56 | 56 | 56 | 56 | | 56 | 56 | | 56 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----|---|-------------|-----------|------------|--|--|---|---|---|-------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|--------------------|------------------------------|---|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) | | | | |
| | | | | | | | | | | Nguồn vốn quỹ đất | Nguồn vốn khác | | Tổng số | Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | | | | | Nguồn chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 31 | Đường bê tông tuyến đê bắc Hói Quan HTX Lộc Thượng, xã An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 3375/QĐ- UBND 01/07/2019 UBND xã | 1.191 | 28 | 28 | 28 | 28 | | 28 | 28 | | 28 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 32 | Đường giao thông liên thôn Phú Thọ, xã An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 3881/QĐ- UBND ngày 12/7/2019 UBND huyện | 988 | 225 | 225 | 103 | 103 | | 103 | 103 | | 103 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 33 | Trạm bơm Hói Cửa HTX Lộc Hạ, xã An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 5394/QĐ- UBND ngày 26/9/2019 UBND huyện | 725 | 17 | 17 | 17 | 17 | | 17 | 17 | | 17 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 34 | Sửa chữa kênh mương vùng Hói Lấp HTX Thạch Bàn, xã An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 5990/QĐ- UBND ngày 25/10/2019 UBND huyện | 390 | 9 | 9 | 9 | 9 | | 9 | 9 | | 9 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 35 | Sửa chữa tuyến kênh mương Hói Chợ HTX Lộc Hạ, xã An Thủy | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 5303/QĐ- UBND ngày 23/9/20 19 UBND huyện | 299 | 37 | 37 | 37 | 37 | | 37 | 37 | | 37 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 36 | Tu sửa phòng học, phòng chức năng Trường MN An Thủy (khu vực Trung tâm) | An Thủy | 2019 | 2019 | Số 3553/QĐ- UBND ngày 8/7/2019 UBND huyện | 600 | 191 | 191 | 191 | 191 | | 191 | 191 | | 191 | | | 2019-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 37 | Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND, xã An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | 160/QĐ- UBND ngày 19/5/2020 UBND xã | 449 | 245 | 245 | 245 | 245 | | 245 | 245 | | 245 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 38 | Trạm bơm Học Điền HTX Thạch Bàn, xã An Thủy | An Thủy | 2018 | 2018 | Số 6513 ngày 8/12/17 UBND huyện | 414 | 11 | 11 | 11 | 11 | | 11 | 11 | | 11 | | | 2018-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDĐT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----|---|-------------|-----------|------------|---|---|---|---|---|-------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|---|---|---|---|--------------------|------------------------------|---|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDĐT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) | | | | |
| | | | | | | | | | | Nguồn vốn quỹ đất | Nguồn vốn khác | | Tổng số | Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | | | | | Nguồn chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 39 | Nâng cấp sân trường MN An Thủy (khu vực Lộc An) | An Thủy | 2018 | 2018 | Số 4418 ngày 14/9/18 UBND huyện | 599 | 112 | 112 | 33 | 33 | | 33 | 33 | | 33 | | | 2018-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 40 | Nâng cấp khuôn viên điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Lộc Hạ, xã An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | 5372/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 UBND huyện | 848 | 242 | 242 | 242 | 242 | | 242 | 242 | | 242 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 41 | Nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Lộc An, xã An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | 287/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 UBND huyện | 584 | 185 | 185 | 185 | 185 | | 185 | 185 | | 185 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 42 | Sửa chữa khẩn cấp 2 dãy nhà lớp học 2 tầng Trường THCS An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | 3565/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 UBND huyện | 1.097 | 157 | 157 | 157 | 157 | | 157 | 157 | | 157 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 43 | Bê tông kênh mương tuyến chạc đuôi HTX Lộc Thượng xã An Thủy | An Thủy | 2015 | 2015 | | 658 | 15 | 15 | 15 | 15 | | 15 | 15 | | 15 | | | 2015-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 44 | Sửa chữa sân bê tông trường TH số 1 An Thủy | An Thủy | 2018 | 2018 | 434 28/12/2017 | 81 | 26 | 26 | 26 | 26 | | 26 | 26 | | 26 | | | 2018-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 45 | Nhà xe và rãnh thoát nước trường TH số 1 An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | Số QĐ 06 09/01/2020 UBND xã | 178 | 175 | 175 | 175 | 175 | | 175 | 175 | | 175 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 46 | Nâng cấp nhà hiệu bộ trường TH số 1 An Thủy | An Thủy | 2020 | 2020 | 6824, ngày 28/11/2020 UBND huyện | 865 | 44 | 44 | 44 | 44 | | 44 | 44 | | 44 | | | 2020-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 47 | Mở rộng nhà làm việc xã (phòng giao dịch một cửa liên thông, phòng làm việc xã An Thủy) | An Thủy | 2015 | 2015 | 3756, ngày 13/05/2015 UBND xã | 1.500 | 2 | 2 | 2 | 2 | | 2 | 2 | | 2 | | | 2015-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 48 | Sửa chữa khẩn cấp hàng rào nhà vệ sinh trường TH số 2 An Thủy | An Thủy | 2021 | 2021 | 3034, ngày 05/07/2021 UBND huyện | 937 | 278 | 278 | 24 | 24 | | 24 | 24 | | 24 | | | 2021-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 49 | Xây dựng các hạng mục tại trường THCS trường TH số 1 và trường MN An Thủy | An Thủy | 2023 | 2023 | số 156, ngày 23/03/2023 UBND xã | 757 | 601 | 601 | 601 | 601 | | 601 | 601 | | 601 | | | 2023-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |
| 50 | Trạm Bơm hút Chợ HTX Lộc Hạ xã An Thủy | An Thủy | 2023 | 2023 | UBND huyện | 277 | 82 | 82 | 82 | 82 | | 82 | 82 | | 82 | | | 2023-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lê Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDĐT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|-----------|---|--------------|-----------|------------|--|---------------|---|---|---|--------------------------------------|---|-------------------------------|---|---------|-------------------------|---|--|--------------------|------------------------------|-----------------------|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | | Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Nguồn vốn quỹ đất | | | | | Nguồn vốn khác |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 51 | Sửa chữa đường giao thông thôn Tân Lệ | An Thủy | 2022 | 2022 | 1977, ngày 31/06/2022 UBND huyện | 789 | 302 | 302 | 302 | 302 | | 302 | 302 | | 302 | | | 2022-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 52 | Nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Phú Thọ | An Thủy | 2021 | 2021 | 515, ngày 09/09/2021 UBND huyện | 450 | 62 | 62 | 62 | 62 | | 62 | 62 | | 62 | | | 2021-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 53 | Hỗ trợ XD HTX kiểu mẫu HTX lộc Thượng | An Thủy | 2018 | 2018 | 379, ngày 24/11/2018 UBND xã | 240 | 43 | 43 | 43 | 43 | | 43 | 43 | | 43 | | | 2018-2026 | UBND xã An Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| II | Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán SL: 6 | | | | | 3.914 | 2.558 | 2.924 | 940 | 940 | | 940 | 940 | | 940 | | | | | |
| 1 | Kê mái đường + kênh mương từ đường Võ Nguyên Giáp ra đập Mới, xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 8/2021 | 01/2022 | 3736,29/7/2 021 | 995 | 814 | 814 | 75 | 75 | | 75 | 75 | | 75 | | | 2021-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 2 | Sửa chữa hội trường khuôn viên UBND xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 12/2020 | 3/2021 | 458, 26/11/2020 | 686 | 200 | 386 | 382 | 382 | | 382 | 382 | | 382 | | | 2020-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 3 | Đắp đê từ đường Võ Nguyên Giáp ra đập Mới, xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 9/2020 | 2/2021 | 343, 11/8/2020 | 627 | 485 | 485 | 138 | 138 | | 138 | 138 | | 138 | | | 2020-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 4 | Kênh mương cấp nước vùng trạ cây sanh HTX An Xá, xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 12/2021 | 3/2022 | 493b, 29/11/2021 | 581 | 347 | 527 | 39 | 39 | | 39 | 39 | | 39 | | | 2021-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 5 | Cải tạo phòng học+ KV trường TH Lộc Thủy | Lộc Thủy | 10/2021 | 3/2022 | 4906,10/9/2 021 | 555 | 300 | 300 | 250 | 250 | | 250 | 250 | | 250 | | | 2021-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 6 | Hệ thống truyền thanh cơ sở phục vụ công tác tuyên truyền xã Lộc Thủy | Lộc Thủy | 2021 | 2021 | 541, 14/12/2021 của UBND xã Lộc Thủy | 470 | 412 | 412 | 55 | 55 | | 55 | 55 | | 55 | | | 2021-2026 | UBND xã Lộc Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| C | DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP HOÀN THÀNH TRONG KỲ KẾ HOẠCH SL: 2 | | | | | 16.400 | 11.600 | 9.425 | 4.712 | 4.411 | 301 | 4.712 | 4.411 | | 4.411 | | 301 | | | |
| 1 | Trường MN Phong Thủy (KV Đại Phong) | Phong Thủy | 2019 | 0 | QĐ 4185, 30/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Binh | 8.500 | 3.700 | 6.135 | 2.292 | 2.292 | | 2.292 | 2.292 | | 2.292 | | | 2019-2026 | UBND xã Phong Thủy | UBND xã Lệ Thủy |
| 2 | Xây dựng Nhà thi đấu đa năng xã Xuân Thủy | Xã Xuân Thủy | 2022 | | QĐ số 1528/QĐ- UBND 12/08/2022 | 7.900 | 7.900 | 3.290 | 2.420 | 2.119 | 301 | 2.420 | 2.119 | | 2.119 | | 301 | 2022-2026 | UBND xã Xuân Thủy | UBND xã Lệ Thủy |

| TT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định CTDT/ Quyết định đầu tư | | Kế hoạch ĐTC giai đoạn 2021-2025 | | Số vốn còn thiếu bố trí điều chỉnh trong giai đoạn 2021- 2025 tiếp nhận từ các xã | | | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | Điều chỉnh thời gian bố trí vốn (nếu vượt thời gian bố trí vốn theo quy định) | Chủ đầu tư (cũ) | Chủ đầu tư sau sắp xếp | |
|----------|---|-------------|-----------|------------|---|--|---|---|---|-------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|--------------------|------------------------------|---|
| | | | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | KH ĐTC trung hạn 2021- 2025 đã giao | Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết 30/6/2025 | Tổng số | Trong đó | | Tổng cộng | Tổng số chi đầu tư phát triển | | | | | | | Tổng chi từ nguồn vốn khác (*) |
| | | | | | | | | | | Nguồn vốn quỹ đất | Nguồn vốn khác | | Tổng số | Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước | Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất | Nguồn chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | | | |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| D | DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI | | | | | 26.200 | | | | | | 25.975 | 25.975 | 2.685 | 3.290 | 20.000 | | | | |
| 1 | Chi khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo | | 2026 | 2027 | | 855 | | | | | | 855 | 855 | 855 | | | | | - | |
| 2 | Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Kiến Giang tại thôn Quy Hậu | | 2026 | 2027 | | 2.400 | | | | | | 2.400 | 2.400 | | 1.400 | 1.000 | | | - | UBND xã Lệ Thủy |
| 3 | Hệ thống thoát nước trung tâm xã Lệ Thủy | | 2026 | 2027 | | 2.400 | | | | | | 1.320 | 1.320 | | 1.320 | | | | - | UBND xã Lệ Thủy |
| 4 | Xây dựng nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật trường THCS Kiến Giang | | 2026 | 2027 | | 2.400 | | | | | | 2.400 | 2.400 | 1.830 | 570 | | | | - | UBND xã Lệ Thủy |
| 5 | Xây dựng tuyến kè chống sạt lở tả ngạn Sông Kiến Giang đoạn thôn Lộc Thượng, xã Lệ Thủy | | 2026 | 2027 | | 19.000 | | | | | | 19.000 | 19.000 | | | 19.000 | | | - | UBND xã Lệ Thủy |
| E | TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG | | | | | | | | | | | 1.221 | 1.221 | 141 | 1.080 | | | | | |

Ghi chú: (*) Được cân đối sau khi UBND tỉnh bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định